

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2022 - 2030

Bùi Trọng Trâm

Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình

Email liên hệ: buitrongtram59@gmail.com

(Ngày nhận bài: 20/9/2022, ngày nhận bài chỉnh sửa: 6/1/2023, ngày duyệt đăng: 16/2/2023)

TÓM TẮT

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những khâu đột phá để phát triển đất nước. Bài viết nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022 - 2030, giúp cho tỉnh tập trung phát triển mạnh công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ góp phần quan trọng nhằm xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới và thành phố thông minh giai đoạn 2022 - 2030.

Từ khóa: *Giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, nguồn nhân lực chất lượng cao, tỉnh Thái Bình*

1. Đặt vấn đề

Nói đến nguồn nhân lực là đề cập tới lực lượng lao động, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, đội ngũ công nhân, nông dân, người lao động của một cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hay trong bất kỳ lĩnh vực nào của nền kinh tế - xã hội. Nguồn nhân lực chất lượng cao là các đối tượng lao động có tay nghề thông thạo, có kỹ năng nghề giỏi, có kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề của mình. Nguồn lao động chất lượng cao được đánh giá dựa vào một số yếu tố như: năng lực tư duy sáng tạo, năng lực sáng nghiệp và có khả năng tự khởi nghiệp để tự tạo việc làm cho bản thân trong thị trường lao động đầy cạnh tranh về việc làm và nghề nghiệp mang lại hiệu quả cho công việc và cho xã hội. Đây là nguồn lực chính quyết định quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà

nước về đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo lao động có kỹ năng nghề; công tác giáo dục đại học (GDĐH), giáo dục nghề nghiệp (GDNN) của nước ta nói chung, của tỉnh Thái Bình nói riêng không ngừng đổi mới và đã có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng và hiệu quả đào tạo ngày càng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng nhân lực có kỹ năng của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh nguồn nhân lực và phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy vậy, quy mô, cơ cấu và chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong bối cảnh do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, xu hướng tự động hóa, điện tử hóa, số hóa, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước ta là: “Đến năm 2025, là nước đang phát triển, có công

nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Do đó, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược; với các yêu cầu: đổi mới và nâng cao chất lượng GDĐH, GDNN theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn; giảm tỷ lệ lao động khu vực phi chính thức; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên, bồi dưỡng lực lượng lao động; hình thành đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người lao động lành nghề, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động; chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo gắn với nhu cầu của xã hội...

Chiến lược phát triển GDNN Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhấn mạnh: “Bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; chất lượng đào tạo của một số trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong khu vực và thế giới; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%” (Chính phủ, 2021b); đến năm

2030: “Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho quốc gia đang phát triển, có công nghiệp hiện đại; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế; một số trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, một số nghề tiếp cận trình độ các nước phát triển trong nhóm G20; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%” (Chính phủ, 2021b).

Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025 đã nhấn mạnh: “Đẩy mạnh phát triển ứng dụng khoa học & công nghệ tiên tiến, ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ cho phát triển nông nghiệp và đời sống nhân dân. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội” (Đảng bộ tỉnh Thái Bình, 2020). Đây là những cơ sở rất quan trọng để thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022 - 2030.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh chung

Bối cảnh quốc tế hóa sản xuất, ứng dụng khoa học và công nghệ, phân công lao động ngày càng sâu rộng ở các quốc gia tạo ra xu hướng quốc tế hóa nguồn nhân lực; hình thành chuỗi giá trị toàn cầu mở ra khả năng di chuyển lao động giữa các nước; yêu cầu đặt ra là người lao động phải có kỹ năng nghề cao, có năng lực làm việc trong môi trường quốc tế với những tiêu chuẩn, tiêu chí do thị trường lao động xác định. Mặt

khác, cạnh tranh giữa các quốc gia, các lĩnh vực, trong đó có cạnh tranh về nhân lực chất lượng cao đang và sẽ ngày càng gay gắt, tác động đến thị trường nhân lực toàn cầu và trong từng quốc gia. Việc tham gia FTA thế hệ mới đòi hỏi Việt Nam phải tuân thủ các “luật chơi” chung, trong đó có các tiêu chuẩn về lao động. Khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển nhanh chóng, nhất là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số, công nghệ thông tin, truyền thông đang và sẽ tạo ra sự thay đổi có tính đột phá trong nhiều lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi để GDDH, GDNN đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và quản trị phát triển. Đào tạo theo hướng đáp ứng cầu đã trở thành cách tiếp cận đào tạo có hiệu quả và đang được thực hiện rất thành công ở các quốc gia phát triển. Chương trình việc làm toàn cầu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), đã khuyến cáo các quốc gia tổ chức đào tạo nghề linh hoạt theo hướng cầu của thị trường lao động, nhằm tạo việc làm bền vững.

Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 phê duyệt Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” nêu một số nội dung liên quan trực tiếp đến GDDH, GDNN như: “Từ việc đổi mới nội dung chương trình; thay đổi phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp đến việc tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp; cơ chế, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học; huy động nguồn lực cho giáo dục nghề nghiệp...” (Chính

phủ, 2021a). Những nội dung này là định hướng cho việc phát triển và đổi mới hệ thống GDDH, GDNN; nhấn mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là đột phá, tiền đề rất quan trọng cho phát triển GDDH, GDNN của nước ta, của tỉnh Thái Bình trong thời gian tới.

2.2. Giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và nhu cầu giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Thái Bình

2.2.1. Thực trạng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp của tỉnh

Thái Bình là tỉnh đông dân cư đứng thứ mười một cả nước, với mật độ dân số 1.138 người/km². Dân cư sống đông đúc tập trung ở hầu hết các địa bàn, quỹ đất sẵn sàng đáp ứng phát triển công nghiệp. Phát triển vùng đã có bước chuyển biến và từng bước khai thác các tiềm năng lợi thế của địa phương: nhiều công trình hạ tầng liên kết vùng được hoàn thành; từng bước hình thành các vùng kinh tế; bước đầu hình thành các hành lang kinh tế gắn với khu đô thị; hình thành được vùng phát triển sản xuất tập trung quy mô lớn như khu công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, vùng nuôi trồng thủy sản; có không gian biển rộng để nuôi trồng thủy hải sản; phát triển du lịch, cảng biển và phát triển công nghiệp, đô thị lấn biển. Kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

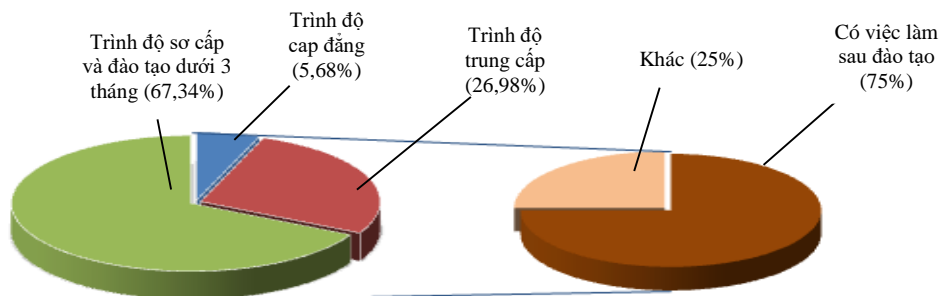
Tuy nhiên, về không gian phát triển chưa có sự liên kết chặt chẽ vùng và liên kết với các địa phương khác; chưa hình thành được hệ thống các cơ sở dịch vụ khoa học công nghệ do nhu cầu cung cấp còn ít, công nghệ mới quy mô còn nhỏ. Nhiều doanh nghiệp chưa coi trọng đổi mới công nghệ, trang bị sản xuất; chưa

tạo được những lợi thế cạnh tranh nổi trội so với các tỉnh trong vùng. Quy mô kinh tế của tỉnh còn nhỏ. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, dân số chủ yếu tập trung ở nông thôn (khoảng 80%), tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp cao, ít được đào tạo bài bản, bồi dưỡng thường xuyên không nhiều.

Cơ sở đào tạo GDDH, GDNN của tỉnh phát triển rộng khắp, đa dạng về loại hình và mô hình hoạt động. Tính đến tháng 12 năm 2021, toàn tỉnh có 02 trường đại học (Trường Đại học Y Dược Thái Bình do Bộ Y tế quản lý, Trường Đại học Thái Bình do tỉnh quản lý và đã được cấp kiểm định chất lượng giáo dục đại học), bước đầu đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; 01 trường cao đẳng sư phạm (Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình); 27 cơ sở GDNN (04 trường cao đẳng, 05 trường trung cấp, 18 trung tâm GDNN), trong đó có 19 cơ sở công lập và 08 cơ sở tư thực; 01 trường cao đẳng nghề (Trường Cao đẳng Nghề số 19 do Bộ Quốc phòng quản lý), còn lại 26 cơ sở GDNN do tỉnh quản lý; 260 trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn. Về số

lượng ngành nghề, có 17 nghề đào tạo trình độ cao đẳng, 27 nghề đào tạo trình độ trung cấp. Về đội ngũ nhà giáo: giảng dạy đại học là 384 người (02 trường đại học), giảng dạy cao đẳng sư phạm là 150 người, giảng dạy cơ sở GDNN là 358 người (trường cao đẳng: 161 người, trường trung cấp: 87 người, trung tâm giáo dục nghề nghiệp: 110 người) (Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, 2021).

Theo thống kê của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, từ năm 2016 đến năm 2021, hằng năm có 55% - 65% học sinh tốt nghiệp THPT vào đại học; tổng số học sinh, sinh viên được đào tạo nghề là 85.135 người (trình độ cao đẳng 4.843 người, trình độ trung cấp 22.973 người; trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng là 57.319 người). Tỷ lệ học sinh, sinh viên học trình độ cao đẳng là 5,68%, trình độ trung cấp là 26,98%, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng là 67,34%. Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau đào tạo bình quân đạt 75% (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình, 2021).



TỔNG SỐ HSSV 2016-2021: 85.135 NGƯỜI

Hình 1: Biểu đồ tỷ lệ học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2021 theo loại hình đào tạo

Đào tạo nghề (bồi dưỡng) cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 tiếp tục được đẩy mạnh, trong vòng 6 năm (2016 – 2021), cả tỉnh có trên 17.400 lao động nông thôn được học nghề. Sau học nghề, 13.000 người có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn, gần 9.600 lao động nông thôn học nghề phi nông nghiệp để chuyển nghề, trên 7.800 lao động nông thôn học nghề nông nghiệp để tiếp tục làm nghề nông nghiệp (Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình, 2021). Chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nghề cho lao động nông thôn tại các trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn đã gắn với xây dựng nông thôn mới, gắn với giải quyết việc làm tại chỗ, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động sang hướng công nghiệp và dịch vụ.

Mặc dù đã có nhiều kết quả tích cực, nhưng GDĐH, GDNN của tỉnh thời gian qua còn nhiều bất cập. Cụ thể như sau:

Thứ nhất về GDNN chưa có sự đồng bộ giữa các luật có liên quan, nhất là giữa Luật GDNN và Luật Việc làm; giữa Luật GDNN với Luật Giáo dục. Quản lý nhà nước về GDĐH, GDNN chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi sang quản trị, cơ chế, chính sách đào tạo và sử dụng lao động qua đào tạo chưa đồng bộ, chưa đủ mạnh hoặc thiếu tính khả thi. Do đó, chưa thực sự tạo động lực để phát triển GDĐH, GDNN cả về số lượng và chất lượng; các nghề mang tính chiến lược, mũi nhọn trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng, bưu chính viễn thông chưa

có cơ sở GDĐH, GDNN nào tổ chức đào tạo theo chương trình chất lượng cao. Cơ sở GDNN tư thục và các trung tâm dạy nghề công lập (thuộc các hội, đoàn thể) có số lượng giáo viên cơ hữu ít, số lượng các nghề đào tạo chưa đa dạng, chưa có trường đào tạo nghề chất lượng cao để đào tạo nghề cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN,...

Việc gắn kết giữa doanh nghiệp và cơ sở GDNN, GDĐH chưa thực sự chặt chẽ, tỷ lệ doanh nghiệp hợp tác với cơ sở GDĐH, GDNN hoặc tham gia hoạt động GDNN còn thấp; chưa làm rõ được lợi ích và trách nhiệm của các bên liên quan.

Các trường cao đẳng, trung cấp của tỉnh mới chỉ tập trung đào tạo chuyên sâu một lĩnh vực, chưa đa dạng hóa loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu học nghề, bồi dưỡng chuyển đổi nghề của người dân trong môi trường số hiện nay, cụ thể có 03 trường (Cao đẳng nghề Thái Bình, Trung cấp cho người khuyết tật Thái Bình, Trung cấp nghề Giao thông vận tải Thái Bình) tổ chức đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng các nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghệ; Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình đào tạo lĩnh vực y tế và Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Thái Bình đào tạo các nghề lĩnh vực văn hóa nghệ thuật; Trường Trung cấp Nông nghiệp đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp...

2.2.2. Nhu cầu giáo dục nghề nghiệp của tỉnh

Nhu cầu đào tạo chung cho các nhóm ngành, nghề mà người lao động cần được cập nhật kiến thức, kỹ năng bao gồm: công nghệ thông tin; điện tử viễn thông; điện, điện tử; tự động hóa;

công nghiệp chế biến; nông nghiệp công nghệ cao, lâm nghiệp; ô tô, cơ khí nông nghiệp, thiết bị y tế; dịch vụ vận tải, logistics; du lịch dịch vụ (khách sạn, nhà hàng...); năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Nhóm ngành, nghề người lao động cần đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng để chuyển đổi nghề nghiệp bao gồm: nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; cơ khí, chế tạo, khai khoáng, mỏ địa chất, điện, điện tử, tự động hóa; nhóm các ngành nghề lao động giản đơn khác (ngành nghề có năng suất lao động thấp, lao động có kỹ năng thấp; lao động có nguy cơ thất nghiệp...).

Qua nghiên cứu ở khu kinh tế và các khu công nghiệp của tỉnh lĩnh vực cần thu hút nhiều lao động, những ngành đòi hỏi hầu hết người lao động phải có chứng chỉ kỹ năng nghề và qua đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức thường xuyên bao gồm: nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng, du lịch, khách sạn, nhà hàng, logistic, dịch vụ, y tế, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp, truyền thông, công nghệ thông tin, bảo trì thiết bị, xây dựng...

Theo kết quả khảo sát, với 120 doanh nghiệp trong Khu kinh tế và các khu công nghiệp của tỉnh, đến năm 2025, số lao động cần nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ở trình độ đại học trở lên là 22.000 người, trình độ cao đẳng là 21.271 người, trình độ trung cấp là 14.201 người, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng là 30.441 người, lao động phổ thông là 12.926 người; nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng lao động đến năm 2030 có trình độ đại học trở lên là 29.000 người, trình độ cao đẳng là 24.115 người, trình độ trung cấp là 18.652

người, trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng là 19.522 người, lao động phổ thông là 19.872 người (Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, 2021).

Định hướng một số ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển đến năm 2025 như sau: Ngành cơ khí chế tạo ưu tiên phát triển các ngành chế tạo máy cơ giới nông nghiệp, đóng tàu công suất vừa và nhỏ; sản xuất xe khách, xe tải và thiết bị ô tô. Ngành chế biến nông sản, thực phẩm chủ yếu tập trung chế biến sâu sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản; tận dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ và từ các tỉnh lân cận, thu hút đầu tư xây dựng hệ thống kho bảo quản. Ngành thiết bị điện, điện tử ưu tiên sản xuất các sản phẩm điện tử công nghiệp, điện gia dụng, điện tử viễn thông, thiết bị văn phòng, máy tính, điện thoại di động. Ngành năng lượng: phát triển trở thành trung tâm điện lực của miền Bắc, duy trì điện than để ổn định hệ thống; phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo tập trung vào phát triển điện khí LNG (khí thiên nhiên được hóa lỏng khi làm lạnh sâu đến âm 162°C sau khi đã loại bỏ các tạp chất), điện gió, điện mặt trời áp mái. Ngành công nghiệp công nghệ cao: phát triển ngành công nghệ hóa phẩm và sinh học phục vụ nông nghiệp. Ngành dệt may, da giày: nâng cao giá trị sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành dệt may, tập trung các sản phẩm là phụ liệu phục vụ sản xuất. Ngành vật liệu xây dựng ưu tiên phát triển sứ vệ sinh, gạch ốp lát và vật liệu mới. Ngành công nghiệp hỗ trợ tập trung sản xuất phục vụ ngành cơ khí chế tạo, ngành điện tử, trong đó ưu tiên sản xuất phụ tùng, linh phụ kiện phục vụ cho sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, tàu

thủy, máy CNC và linh kiện điện tử phục vụ lắp ráp trong nước và xuất khẩu (chip điện tử, IC - vi mạch điện tử, bo mạch điều khiển và các chi tiết cao su, nhựa)... (Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, 2021).

2.3. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Thái Bình đến năm 2030

Mục tiêu chung là phát triển GDDH, GDNN theo hướng mở, linh hoạt, thích ứng, hiệu quả và công bằng; đủ năng lực đào tạo, hình thành đội ngũ cán bộ, đội ngũ lao động có kỹ năng, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, đảm bảo việc làm và an sinh xã hội bền vững, tạo ra sức cạnh tranh cho nền kinh tế của tỉnh trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030 là: Xây dựng Trường Đại học Thái Bình trở thành cơ sở GDDH có uy tín của Việt Nam, đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo hướng ứng dụng đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu của xã hội. Thành lập 01 trường cao đẳng chất lượng cao có vốn đầu tư nước ngoài hoặc trường tư thực chất lượng cao trong Khu kinh tế Thái Bình; 100% trường trung cấp, trường cao đẳng công lập thực hiện tự chủ; 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số, đào tạo phát triển học liệu số. Thu hút 15 - 20% học sinh tốt nghiệp THPT vào Trường Đại học Thái Bình, 50-55% học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào GDNN của tỉnh. Đào tạo lại,

bồi dưỡng thường xuyên cho 50% lực lượng lao động. Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90% (Đảng bộ tỉnh Thái Bình, 2020).

2.4. Một số giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022 - 2030

2.4.1. Tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng

Từ cơ sở GDDH, GDNN xây dựng Kế hoạch đến năm 2025, năm 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt về việc phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn, chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả. Giảng viên ở các trường cao đẳng chất lượng cao, giảng viên giảng dạy các ngành, nghề được đầu tư trọng điểm phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Cụ thể, tính đến tháng 8 năm 2022, Trường Đại học Thái Bình có số cán bộ, giảng viên là 239 người, trong đó trình độ tiến sĩ: 12, thạc sĩ: 146, đại học: 55, trình độ khác: 24; mục tiêu đặt ra đến 2030 là có 15% số giảng viên được công nhận học hàm phó giáo sư, giáo sư; 50% số giảng viên có học vị tiến sĩ; 100 giảng viên còn lại là thạc sĩ đúng chuyên ngành khoa học (Trường Đại học Thái Bình, 2022). Tính đến tháng 8 năm 2022, Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình có tổng số 240 viên chức, lao động hợp đồng (232 biên chế, 08 lao động hợp đồng), trình độ chuyên môn: 06 tiến sĩ, 124 thạc sĩ (02 người đang làm nghiên cứu sinh), 95 người có trình độ đại học, 15 người thuộc trình độ khác; mục tiêu phấn đấu đến năm 2030: 8% số giảng viên có học vị tiến sĩ, 90% giảng viên là thạc sĩ đúng chuyên ngành khoa học (Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, 2022).

Rà soát, chuẩn hóa; đánh giá, sắp xếp đội ngũ; định kỳ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm, kỹ năng nghề, chuyển đổi số, tin học, ngoại ngữ, công nghệ mới và kỹ năng mềm trên cơ sở chuẩn chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo GDDH, GDNN tham chiếu chuẩn chung ASEAN và các nước phát triển trên thế giới). Trường Đại học Thái Bình nêu chỉ tiêu cụ thể: 100% giảng viên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục, thực hiện tốt chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; thực hiện bài giảng điện tử, các thiết bị hiện đại trong dạy học và thực hành, thực tập. Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho giảng viên; tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo (Trường Đại học Thái Bình, 2022). Phát triển đội ngũ người dạy trong các doanh nghiệp, cụ thể ở một số doanh nghiệp lớn như Tập đoàn Hương Sen, May Tân Đệ, Công ty Cổ phần Green I-Park, Bảo Minh,... mỗi ngành nghề bố trí 3 - 5 kỹ sư giỏi, có chuyên môn tốt làm giảng viên kiêm nhiệm. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sư phạm, cập nhật những kiến thức mới về GDDH, GDNN; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, quản trị nhà trường hiện đại ở trong và ngoài nước.

Cơ sở GDDH, GDNN xây dựng việc phát triển chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, mở, linh hoạt với sự tham gia chặt chẽ của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích, dự báo nhu cầu kỹ năng, năng lực hành nghề và việc làm của thị trường lao động, trên cơ sở chuẩn “đầu ra”, phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao

động. Trường Đại học Thái Bình nhấn mạnh: 100% chương trình đào tạo trình độ đại học đang tổ chức đào tạo được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật đúng quy định (chuẩn đầu ra, bản mô tả chương trình, đề cương chi tiết học phần, chương trình dạy học...); được tổ chức tự đánh giá, trong đó có ít nhất 03 chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và 04 chương trình đào tạo được chứng nhận kiểm định chất lượng (Trường Đại học Thái Bình, 2022). Đồng thời, quan tâm đến phát triển chương trình phù hợp với các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội và trên thị trường lao động; đào tạo không chỉ chú trọng hình thành thái độ, kỹ năng nghề nghiệp mà còn hướng tới hình thành kỹ năng thích ứng cho người lao động, nhằm đáp ứng sự thay đổi công nghệ, thay đổi nghề nghiệp trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế số, xã hội số, công dân toàn cầu. Đào tạo với bộ chương trình chất lượng cao được nhập khẩu từ các nước tiên tiến, đáp ứng các tiêu chuẩn đào tạo của các nước có chương trình đào tạo được nhập khẩu. Đẩy mạnh xây dựng học liệu số, mô phỏng hóa các bài giảng, các thiết bị giảng dạy, thư viện số; thực hiện chia sẻ tài nguyên trong toàn bộ hệ thống, gắn với sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả. Phương pháp đào tạo lấy người học làm trung tâm, giảng viên là người hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát theo hướng hiện đại, chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học đa dạng, linh hoạt, cá nhân hóa, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ số trong đào tạo; đào tạo theo tiếp cận năng lực.

Chủ động phát triển hoạt động kỹ năng nghề cho người học, người lao động và hoạt động đánh giá kỹ năng nghề theo hướng chuẩn hóa, trên cơ sở khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia; triển khai các hoạt động nâng cao kỹ năng cho người học và người lao động, chú trọng trang bị các kỹ năng mới trong môi trường làm việc 4.0, bao gồm các kỹ năng kỹ thuật và các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số...

2.4.2. *Thực hiện cơ chế tự chủ cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp*

Mỗi cơ sở GDDH, GDNN tự nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở GDDH, GDNN; cơ sở GDDH thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở GDDH; đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở GDNN công lập và ngoài công lập. Tăng cường nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho GDNN; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Cơ sở GDDH, GDNN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được: Nhà nước đầu tư kinh phí dựa trên hiệu quả hoạt động GDDH, GDNN; tự chịu trách nhiệm và trách nhiệm giải trình trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu, nhiệm vụ; mở các ngành, nghề và xác định quy mô đào tạo; các hoạt động tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học; cung cấp dịch vụ

GDDH, GDNN; các hoạt động đào tạo nghề nghiệp khác. Cụ thể, các trường của tỉnh đã từng bước thực hiện việc tự chủ ngân sách Nhà nước như Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình thực hiện tự chủ thu chi 100%, Trường Đại học Thái Bình tự chủ 30% từ năm 2023, Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình, Trường Cao đẳng Nghề Thái Bình được Nhà nước hỗ trợ 100% ngân sách...

Cụ thể hóa quyền lực, trách nhiệm của hội đồng trường, hội đồng quản trị với lãnh đạo nhà trường (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) ở từng cơ sở. Hiện mới có Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Trường Đại học Thái Bình thành lập Hội đồng trường. Thực hiện tự chủ GDDH, GDNN đầy đủ bao gồm: tự chủ nguồn nhân lực (tổ chức, bộ máy, nhân sự), tự chủ về tuyển sinh và quản lý học sinh, sinh viên, tự chủ về học thuật, tự chủ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và xuất bản, tự chủ tài chính và cơ sở vật chất, tự chủ về cơ chế quản lý, cơ chế phối hợp; làm rõ cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, cán bộ giảng viên, học sinh, sinh viên thực hiện.

2.4.3. *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp*

100% cơ sở GDDH, GDNN của tỉnh triển khai các hoạt động trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận GDDH, GDNN tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo, bồi dưỡng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và góp phần tăng

năng lực cạnh tranh của tỉnh. Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của cơ quan quản lý nhà nước về GDĐH, GDNN và các cơ sở GDNN. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở GDĐH, GDNN phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo, xây dựng nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung và hỗ trợ dạy học trực tuyến các cấp độ trong GDĐH, GDNN và là yêu cầu bắt buộc của từng cơ sở giáo dục cho mỗi năm học.

2.4.4. Gắn kết giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng nghề và sử dụng lao động

Xây dựng cơ chế hợp tác giữa cơ sở GDĐH, GDNN với doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội trong các hoạt động GDĐH, GDNN trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội; gắn kết GDĐH, GDNN với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp. Tỉnh chủ động giao cho các sở: Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp cùng phối hợp với cơ sở GDĐH, GDNN thực hiện sự gắn kết trong từng năm và báo cáo theo định kỳ ở từng quý. Việc bồi dưỡng nghề cho lao động nông nghiệp, nghề nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức nhóm nghề truyền thống như làng nghề dệt, làng nghề

chạm bạc Đồng Xâm, làng nghề đúc đồng, làng nghề mây tre đan, làng nghề chiếu Hới, làng nghề bánh cày,... là rất cấp bách của tỉnh Thái Bình. Do đó, tổ chức các lớp học chính quy, không chính quy, lớp bồi dưỡng ở các địa phương thực hiện tại Trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn sẽ đáp ứng nhu cầu của người dân, người lao động học để làm ngay.

Đối với doanh nghiệp: chủ động ký hợp đồng liên kết đào tạo với cơ sở GDĐH, GDNN; phối hợp với cơ sở GDĐH, GDNN trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng, chương trình, giáo trình đào tạo - bồi dưỡng, xây dựng thời khóa biểu, xây dựng dự toán kinh phí cho từng lớp học, bố trí lịch giảng dạy cho giáo viên, tổ chức thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp; sử dụng lao động đã qua đào tạo (do doanh nghiệp và cơ sở GDĐH, GDNN liên kết đào tạo - bồi dưỡng) theo quy định để tham gia lao động, sản xuất tại doanh nghiệp. Được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách Nhà nước hoặc được miễn trừ vào số tiền phải nộp thuế của doanh nghiệp trên cơ sở kết quả thực tế học sinh, sinh viên tốt nghiệp có gắn kết đào tạo, bồi dưỡng được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc (có hợp đồng tuyển dụng lao động từ 24 tháng trở lên).

Đối với cơ sở GDĐH, GDNN: phối hợp, ký hợp đồng liên kết đào tạo - bồi dưỡng với doanh nghiệp; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp; thu học phí hoặc thực hiện miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng; chủ trì, tổ chức đào tạo nghề cho học sinh, sinh viên; xây dựng kế hoạch đào tạo;

quyết định mở lớp, chương trình, giáo trình; xây dựng thời khóa biểu, dự toán kinh phí cho từng lớp học. Chi trả tiền lương, tiền công cho nhà giáo tham gia giảng dạy lớp học; tổ chức thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp. Trường Đại học Thái Bình đã, đang liên kết chặt chẽ với Hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh, Tập đoàn Hương Sen, các doanh nghiệp lớn như công ty dệt may xuất khẩu, Công ty Đạm San, công ty của Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ... cho sinh viên thực tập và bố trí công việc sau tốt nghiệp.

2.4.5. *Rà soát, tổ chức, sắp xếp lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp*

Sắp xếp tổ chức, bộ máy, nhân sự theo hướng tinh gọn, bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở GDNN; tiếp tục cho phép hoạt động các cơ sở GDNN đủ điều kiện theo quy định, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp không đủ điều kiện. Tổ chức kiểm tra điều kiện đào tạo của các cơ sở GDNN tư thực, các cơ sở thuộc hội, đoàn thể, cá nhân quản lý,... bao gồm: Trường Trung cấp Công nghệ quốc tế, Trường Trung cấp nghề tư thực Việt - Đức, Trung tâm dạy nghề tư thực Thăng Long, Trung tâm dạy nghề Nguyễn Công Trứ, Trung tâm dạy nghề tư thực Duy Toàn, Trung tâm dạy nghề dân lập 27/7 Kiến Xương, Trung tâm dạy nghề tư thực Nam Thái, Trung tâm dạy nghề tư thực 297 Lý Bôn; Trung tâm dạy nghề Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Thái Bình, Trung tâm Dạy nghề và Chuyển giao khoa học công nghệ trực thuộc trường Đại học Thái Bình, Trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật, Trung tâm dạy nghề Hội người mù tỉnh, Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân. Nếu các cơ sở này đủ điều kiện tiếp tục giao

nhiệm vụ để đào tạo, bồi dưỡng hoặc liên kết một số cơ sở thành cơ sở dạy nghề tư thực chất lượng cao của tỉnh; nếu không thích ứng, hoạt động kém hiệu quả tham mưu cho các cấp quyết định sắp xếp lại hoặc giải thể. Bố trí sắp xếp các khoa, phòng chuyên môn, mở khoa mới của Trường Đại học Thái Bình như thành lập mới khoa sư phạm, khoa văn hóa... Bố trí sắp xếp các khoa, phòng chuyên môn các trường cao đẳng, trung cấp phù hợp với yêu cầu kế hoạch được tỉnh phê duyệt.

2.4.6. *Đề xuất ban hành một số cơ chế chính sách của tỉnh*

Tỉnh hỗ trợ các trường trung cấp, trường cao đẳng công lập kinh phí đầu tư (cơ sở vật chất; trang thiết bị đào tạo; xây dựng chương trình, giáo trình) để các trường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chương trình chất lượng cao các nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo. Xây dựng một số cơ chế chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Xây dựng cơ chế hỗ trợ học sinh tốt nghiệp THPT, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Thái Bình, học hệ chính quy trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng tại các cơ sở GDDH, GDNN của tỉnh thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo.

Đầu tư GDDH, GDNN và phát triển kỹ năng được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển nhân lực của tỉnh, tỷ lệ chi cho GDDH, GDNN bằng 0,8% - 0,9% GDP trong giai đoạn 2021-2025 và 1% GDP trong giai đoạn 2026-2030. Ngân sách nhà nước đầu tư thích đáng cho các cơ sở

GDDH, GDNN chất lượng cao tiếp cận trình độ khu vực và thế giới. Từng bước thực hiện phương thức phân bổ ngân sách chi thường xuyên cho GDDH, GDNN theo đầu vào sang đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ về số lượng và chất lượng kết quả đầu ra, không phân biệt loại hình cơ sở GDDH, GDNN. Hỗ trợ cho các đối tượng chính sách, đối tượng yếu thế trong xã hội, đảm bảo bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ GDDH, GDNN; mở rộng thực hiện ưu đãi vay vốn học nghề không lãi suất đối với học sinh, sinh viên trong cơ sở GDDH, GDNN. Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) trong GDDH, GDNN của tỉnh Thái Bình.

3. Kết luận

Để đạt được yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình giai đoạn 2022 - 2030 có chất lượng, hiệu quả nhất định phải có sự lãnh đạo của Đảng, trách nhiệm của chính quyền, phối hợp các ngành trong việc nâng cao nhận thức, triển khai mục tiêu, thực hiện giải pháp đổi mới với GDDH, GDNN để đào tạo, bồi dưỡng nhân lực có kỹ năng đáp ứng môi trường làm việc, chất lượng cao và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Các cơ sở GDDH và GDNN chủ động

triển khai phương thức đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với từng nhóm đối tượng. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động GDDH, GDNN; các bên chủ động tham gia, định hướng xã hội về GDDH, GDNN bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở GDDH, GDNN, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành cộng đồng gắn kết GDDH với GDNN rất mở nhưng chặt chẽ. Đẩy mạnh việc xây dựng, tổ chức các chương trình khởi sự, khởi nghiệp, xúc tiến việc làm cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở GDDH, GDNN để nâng cao khả năng tự tạo việc làm, tìm kiếm việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp tại tỉnh. Đồng thời, đổi mới công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDDH, GDNN, tạo động lực cho cán bộ quản lý, các nhà giáo GDDH, GDNN cũng như học sinh, sinh viên tích cực thi đua dạy tốt - học tốt. Đầu tư cho GDDH, GDNN, phát triển kỹ năng cho lực lượng lao động phải được ưu tiên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình trong từng năm thì công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ đạt được kết quả như mong muốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chính phủ (2021a). *Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30/8/2021 Phê duyệt Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”*. Truy cập ngày 20/2/2022, từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=203957>.
- Chính phủ (2021b). *Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Truy cập ngày , từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=204883>.

- Đảng bộ tỉnh Thái Bình (2020). *Nghị quyết số 09-NQ/ĐH ngày 15/10/2020 Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025*. Truy cập ngày 20/2/2022, từ <https://thanhpho.thaibinh.gov.vn/thong-tin-hanh-chinh-cong/van-ban-chi-dao-dieu-hanh/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tinh-thai-binh-lan-thu-x.html>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Toàn văn Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng*. Truy cập ngày 20/2/2022, từ <https://baochinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-102288263.htm>.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Bình (2021). *Báo cáo số 88/BC-SLĐTBXH ngày 25 tháng 12 năm 2021 về Tổng kết công tác năm 2021, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2022*.
- Trường Đại học Thái Bình (2022). *Báo cáo số 51/BC-ĐHTB ngày 28 tháng 8 năm 2022 về việc triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023*.
- Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình (2022). *Báo cáo số 118/BC-CĐSP ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc Tổng kết công tác năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023*.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2021). *Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 về việc ban hành Kế hoạch phát triển Khu kinh tế Thái Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030*.

SOME SOLUTIONS FOR TRAINING AND REFRESHER COURSES OF THE HIGH-QUALITY HUMAN RESOURCES TO MEET THE DEMANDS OF SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT OF THAI BINH PROVINCE IN THE PERIOD 2022 - 2030

Bui Trong Tram

Thai Binh College of Education and Training

Email: buitrongtram59@gmail.com

(Received: 20/9/2022, Revised: 6/1/2023, Accepted for publication: 16/2/2023)

ABSTRACT

Training and fostering high-quality human resources is one of the breakthroughs to develop the country; The author's article researches, proposes some solutions to train and foster high-quality human resources to meet the socio-economic development demands of Thai Binh Province in the period of 2022 - 2030 to help the province focus on strongly develop industry, agriculture, trade and services to make an important contribution to the construction of advanced new rural areas, new rural areas and smart cities in the period of 2022 - 2030.

Keywords: *Higher education, vocational education, high quality human resources, Thai Binh province*